

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thơm; Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuý Phượng - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản T, xã P, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hà Văn P, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Hà Văn P tự tìm hiểu và về chung sống với nhau từ năm 2020, đến ngày 29/4/2022 thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn đánh chửi nhau do anh P không quan tâm đến gia đình, mãi chơi bời, rượu chè và gây sự đánh đập chị N nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 06/2023 đến nay. Hiện chị N không còn tình cảm với anh P, quá trình

chung sống vợ chồng chung sống không hạnh phúc và không hàn gắn được tình cảm, do vậy chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn P.

2. Về con chung: Chị Lò Thị N và anh Hà Văn P có 02 con là cháu Hà Thị N1, sinh ngày 27/02/2020 và cháu Hà Văn K, sinh ngày 28/02/2022. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N1 và đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lò Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, anh Hà Văn P mặc dù biết chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa án để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị N và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh P; Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Văn K, sinh ngày 28/02/2022 cho anh Hà Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Giao con chung là cháu Hà Thị N1, sinh ngày 27/02/2020 cho chị Lò Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hà Văn K, anh Hà Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung Hà Thị N1; Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung

chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hà Văn P có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Bản N, xã N, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu. Ngày 09/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh P tiếp tục vắng mặt không có lý do, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P và chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Hà Văn P đăng ký kết hôn ngày 29/4/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, do đó hôn nhân của chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống của chị N, anh P hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị N và anh P kéo dài và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh P chị N không liên lạc, không quan tâm, chia sẻ gì với nhau. Ủy ban nhân dân xã N và bố đẻ anh Hà Văn P cũng đã xác định giữa anh P chị N có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa anh P chị N đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh P có 02 con là cháu Hà Thị N1, sinh ngày 27/02/2020 và cháu Hà Văn K, sinh ngày 28/02/2022.

Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 và đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh P chị N sống ly thân đến nay thì cháu K ở với anh P và ông bà nội tại bản Nà Lào, xã N còn cháu N1 ở với chị N và ông bà ngoại tại bản Pa Tùn, xã P, các cháu đều được chăm sóc và học hành đầy đủ. Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành xác minh với ông Hà Văn X (bố mẹ đẻ của anh Hà Văn P), ông X trình bày: Anh P có biết việc Tòa án đang

giải quyết việc ly hôn giữa vợ chồng anh, nhưng hiện nay anh P đi làm xa nên không về để giải quyết ly hôn với chị N được, anh P đi làm thì thoải mái có về thăm con và hàng tháng vẫn gửi tiền về cho bố mẹ để chăm sóc cháu K. Về con chung, anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh P, chị N đều là lao động tự do, có thu nhập và đảm bảo điều kiện để nuôi con, hơn nữa anh P, chị N cũng không tranh chấp nhau về người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của các con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu K cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn P, chị Lò Thị N đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Lò Thị N và anh Hà Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do vậy, quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N được ly hôn với anh Hà Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thị N1, sinh ngày 27/02/2020 cho chị Lò Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu Hà Văn K, sinh ngày 28/02/2022 cho anh

Hà Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Lò Thị N, anh Hà Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung Hà Văn K. Anh Hà Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung Hà Thị N1.

4. Về chia tài sản chung: Chị Lò Thị N và anh Hà Văn P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Lò Thị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: BLTU/23/0001257 ngày 21/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Lai Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 2 – Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Nậm Sỏ, tỉnh Lai Châu;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh